

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐÔNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/KDTM- ST
Ngày: 22/7/2024
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng
vận chuyển hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thuý Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng
Ông Nguyễn Văn Lương
- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thẩm tra viên chính*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên*

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 84/2024/TLST - KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng vận chuyển hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 161/2024/QĐXX ngày 02 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH V**

Trụ sở: Phòng 405, tầng 4, số A phố K, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân T – Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Hà Minh A. Theo Quyết định về việc ủy quyền cho Trưởng phòng pháp chế. Văn bản ủy quyền số 369/QĐUQ –BVS ngày 15/02/2023 của Giám đốc công ty V. Có mặt

*** Bị đơn: Công ty TNHH Ô**

Trụ sở: Khu công nghiệp P, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T1 – Giám Đốc Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Đình N – Trưởng phòng xuất khẩu. Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024 của Giám đốc công ty TNHH Ô.

Xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2024, lời khai và trong quá trình giải quyết, Nguyên đơn là Công ty TNHH V do bà Trần Hà Minh A đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 25/12/2019, Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) và Công ty TNHH Ô (gọi tắt là Công ty Ô) đã ký Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV –DP2512.19 (gọi tắt là Hợp đồng). Theo Hợp đồng, Công ty Ô đồng ý thuê Công ty V làm dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hoá của Công ty V cung ứng.

Công ty V đã cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng trên và xuất bốn hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể như sau:

- Cước vận tải biển là: 1.169.366.000VNĐ theo Hoá đơn số 00013961 ngày 06/5/2022; 58.468.300 VNĐ theo Hoá đơn 00013963 ngày 06/5/2022

- Phí xếp dỡ tại cảng, phí chênh lệch container, phí vệ sinh container là: 11.356.254VNĐ theo Hoá đơn số 00013964 ngày 06/5/2022

- Phí xếp dỡ cảng tại cảng, phí lệnh giao hàng, phí chênh lệch container, phí vệ sinh container là 227.998.638 VNĐ theo hoá đơn số 00013962 ngày 06/5/2022.

Tổng số tiền cước, phí dịch vụ theo bốn hóa đơn trên là 1.467.189.192 VNĐ. Công ty Ô đã thanh toán cho Công ty V số tiền là 975.189.192 VNĐ. Số tiền còn lại Công ty Ô chưa thanh toán là 492.000.000 VNĐ. Sau khi Công ty V nộp đơn khởi kiện, Công ty Ô đã thanh toán thêm số tiền 7.000.000 VNĐ.

Như vậy, số tiền còn lại Công ty Ô nợ Công ty V là 485.000.000 VNĐ. Thời hạn thanh toán là 20 ngày kể từ ngày Công ty V xuất hóa đơn cuối cùng, tức là ngày 26/5/2022 (theo quy định tại khoản 4.3.2 Điều IV của Hợp đồng).

Ngoài ra theo quy định tại khoản 3.1.4 Điều III của Hợp đồng thì Công ty Ô phải chịu tiền lãi phát sinh theo lãi phạt chậm trả của Ngân hàng trong trường hợp vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày thứ 15 trở đi cho đến khi hoàn tất việc thanh toán. Vì vậy, Công ty Ô phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 485.000.000 VNĐ. Công ty đã tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng V1, V2 và A1 tại thời điểm xét xử và tự nguyện tính lãi đối với khoản nợ của công ty Ô với mức lãi suất chậm trả là 9% năm. Thời điểm tính lãi được chúng tôi áp dụng là ngày 21/5/2022. Như vậy, tính đến ngày Tòa án triệu tập là ngày 27/5/2024 (737 ngày). Công ty Ô cần phải thanh toán cho công ty V số tiền lãi quá hạn là 88.137.123VNĐ.

Tạm tính từ ngày 21/5/2022 đến ngày 27/5/2024, toàn bộ khoản nợ của Công ty Ô phải thanh toán cho Công ty V là 573.137.123VNĐ cụ thể: tiền gốc chưa thanh toán: 485.000.000 VNĐ; tiền lãi phát sinh do chậm trả đối với khoản nợ gốc trên trong thời gian từ ngày 21/5/2022 đến ngày 27/5/2024 tạm tính là 88.137.123VNĐ. Do đó tạm tính đến ngày 27/5/2024 Công ty đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty Ô phải thanh toán một lần, toàn bộ cho Công ty V tổng số tiền là 573.137.123VNĐ. Công ty yêu cầu công ty Ô phải thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền này một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi chậm trả tiếp tục tính từ ngày 27/5/2024 cho đến khi công ty Ô thanh toán toàn bộ khoản nợ, lãi suất chậm trả sẽ tính theo quy định của pháp luật. Ngoài ra công ty V không có yêu cầu nào khác.

*** Tại bản tự khai ngày 02/7/2024 và quá trình giải quyết, Bị đơn Công ty TNHH Ô do ông Vũ Đình N là đại diện theo uỷ quyền trình bày:**

25/12/2019 Công ty V và công ty Ô có ký Hợp đồng nguyên tắc số BSV – DP2512.19 thỏa thuận về việc công ty V cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa cho công ty Ô. Trong quá trình hợp tác, hai bên đều nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ những điều khoản quy định của Hợp đồng.

Tháng 5/2022 công ty Ô có lô hàng vận chuyển từ Trung Quốc về và thuê công ty V thực hiện. Công nợ phát sinh của lô hàng này là 1.467.189.192 VNĐ. Đối với lô hàng này công ty Ô đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là 975.189.192 đồng. Đến nay công ty Đ xác nhận còn nợ công ty V số tiền 492.000.000 VNĐ. Sau khi công ty V nộp đơn khởi kiện, công ty Ô đã trả thêm số tiền 7.000.000 VNĐ. Tính đến ngày 02/7/2024 công ty Ô xác nhận còn nợ Công ty V số tiền là 485.000.000 VNĐ. Công ty Ô cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trong vòng 24 tháng kể từ ngày 02/7/2024.

Công ty có kế hoạch trả nợ như sau: từ ngày 04/8/2024 đến hết 31/12/2024 sẽ thanh toán 40.000.000 đồng. Từ ngày 01/3/2025 đến hết 31/12/2025 hàng tháng trả số tiền là 20.000.000 VNĐ. Từ ngày 01/01/2026 hàng tháng sẽ thanh toán 20.000.000 VNĐ cho tới hết ngày 31/7/2026 thanh toán toàn bộ khoản nợ. Đối với số tiền lãi Công ty Ô mong muốn Công ty V xóa bỏ không tính lãi.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của công ty V đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty Ô thanh toán số tiền nợ còn lại là 485.000.000 VNĐ và tự nguyện áp dụng mức lãi suất chậm trả là 8%/năm tính từ ngày 10/7/2022 đến ngày xét xử 22/7/2024 là: 78.981.918 VNĐ theo quy định tại khoản 3.1.4 Điều III của Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019, quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 10/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định Công ty Ô còn nợ công ty V số tiền chưa thanh toán là 485.000.000 đồng theo bốn hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty V đã phát hành và lãi chậm trả theo thỏa thuận của hợp đồng đối với Công ty Ô. Căn cứ các Điều 530, 533, 536, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2024 là 563.981.918 VNĐ, trong đó nợ gốc là 485.000.000 đồng, nợ lãi là 78.981.918 VNĐ.

- *Về án phí:* Hoàn trả nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật: Công ty V và công ty Ô đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019 với nội dung ủy thác

về nguyên tắc cung cấp giá cả, thanh toán và dịch vụ giao nhận vận tải đơn và đa phương thức cho hàng hóa xuất nhập khẩu từ /tới/bên trong/bên ngoài Việt Nam. Việc ký kết hợp đồng kinh tế là phục vụ mục đích kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Tại Điều V của Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019, hai bên có thỏa thuận: “... *Nếu không thương lượng giải quyết được, vụ việc sẽ do Tòa án nhân dân quận Đống Đa – Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan...*” Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 31/12/2023 Công ty V và công ty Ô đã ký biên bản đối chiếu công nợ, do công ty Ô không thực hiện việc thanh toán trả nợ nên ngày 23/02/2024 công ty V khởi kiện yêu cầu công ty Ô phải trả nợ số tiền còn nợ lại Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hạn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

1.3. Về tư cách tham gia tố tụng tại Tòa án:

Công ty V có đơn khởi kiện đối với công ty Ô để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty Ô phải trả tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019 được ký kết bởi công ty V và công ty Ô nên xác định Công ty V là nguyên đơn, công ty Ô là bị đơn trong vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản ủy quyền cho người đại diện thay mặt công ty tham gia tố tụng tại Tòa án theo đúng quy định tại Điều 7, Điều 13 luật Doanh Nghiệp; Điều 68, 69, 85 luật tố tụng Dân sự.

1.4 Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết, các bên đương sự đã trình bày ý kiến và nguyện vọng trong việc giải quyết vụ án. Khi vụ án được đưa ra xét xử, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có xin xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về hiệu lực của Hợp đồng:

Ngày 25/12/2019 công ty V và công ty Ô đã giao kết với nhau bằng Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19. Theo Hợp đồng, công ty Ô đồng ý thuê Công ty V làm dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hoá của Công ty V cung ứng. Xét Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019 được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp Điều 530, 531, 533 của Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

2.2 Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ còn thiếu:

Quá trình thực hiện Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019. Hai bên đều thống nhất thực hiện theo đúng nội dung của hợp đồng như đã ký kết và công ty V xuất bốn hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể như sau:

- Cước vận tải biển là: 1.169.366.000 VNĐ theo Hoá đơn số 00013961 ngày 06/5/2022; 58.468.300 VNĐ theo Hoá đơn 00013963 ngày 06/5/2022

- Phí xếp dỡ tại cảng, phí chênh lệch container, phí vệ sinh container là: 11.356.254 VNĐ theo Hoá đơn số 00013964 ngày 06/5/2022

- Phí xếp dỡ cảng tại cảng, phí lệnh giao hàng, phí chênh lệch container, phí vệ sinh container là 227.998.638 VNĐ theo hoá đơn số 00013962 ngày 06/5/2022.

Tổng số tiền cước, phí dịch vụ theo bốn hóa đơn trên là 1.467.189.192 VNĐ. Công ty Ô đã thanh toán cho Công ty V số tiền là 975.189.192 VNĐ. Số tiền còn lại Công ty Ô chưa thanh toán là 492.000.000 VNĐ. Sau khi Công ty V nộp đơn khởi kiện, Công ty Ô đã thanh toán thêm số tiền 7.000.000 VNĐ còn nợ lại số tiền 485.000.000 VNĐ.

Quá trình hòa giải, công ty Ô trình bày với lý do hiện công ty đang gặp khó khăn, cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trong vòng 24 tháng kể từ ngày 02/7/2024 tuy nhiên công ty V không đồng ý với phương án trả nợ của công ty Ô do vậy vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Nhận thấy công ty P có thiện chí trả nợ nhưng phương án trả nợ với số tiền không lớn như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty P cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty V do vậy yêu cầu khởi kiện của công ty V buộc Công ty Ô phải thanh toán cho công ty V làm một lần với số tiền nợ còn thiếu là 485.000.000 VNĐ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán:

Công ty V yêu cầu Tòa án buộc Công ty Ô trả số tiền nợ lãi do chậm trả tạm tính từ ngày 10.7.2022 đến ngày 22.7.2024 là 78.981.918 VNĐ.

Xét yêu cầu trả lãi của công ty Ô nhận thấy: Tại Điều 4.3 và khoản 3.1.4 Điều III của Hợp đồng nguyên tắc giao nhận vận tải số BSV – DP2512.19 ngày 25/12/2019 do hai bên thỏa thuận: “*Thời hạn thanh toán: 20 ngày tính từ ngày bên công ty V phát hành hóa đơn*”, “*Khi hết 14 ngày tính từ ngày đến hạn thanh toán theo điều 4.3 mà bên công ty Ô vẫn chưa thanh toán cho bên công ty V thì bên công ty Ô phải chịu lãi phát sinh là 150% lãi suất tín dụng của ngân hàng từ ngày thứ 15 trở đi cho đến khi hoàn tất việc thanh toán*”.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của công ty V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (ngân hàng thương mại cổ phần N1, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N2 và tự nguyện đề nghị HĐXX áp dụng lãi suất là 8%/ năm để yêu cầu công ty Ô thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán.

Theo quy định tại Điều 306 luật thương mại 2005 về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: “ *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*.” và hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ_HĐTP TANDTC ngày 11.01.2019 về xác định lãi suất trung bình quy định tại điều 306 của luật Thương mại năm 2005 : “ *trường hợp hợp đồng thuộc loại vi phạm điều chỉnh tại Điều 306 của luật Thương mại năm 2005 thì xác định lãi suất chậm trả đối với số*

tiền chậm trả , Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (ngân hàng thương mại cổ phần N1, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N3 ...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh , thành phố trực thuộc Trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (tại thời điểm xét xử) để quy định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất quá hạn trung bình của lãi suất cho vay dài hạn tại ba ngân hàng thương mại cổ phần N1, Ngân hàng thương mại cổ phần C và Ngân hàng N2 là: 9%/ năm x 150% là: 13,5% đối với số tiền nợ 485.000.000đ VNĐ mà Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Ô được tính từ ngày 10/6/2022 cho đến ngày 22/7/2024 (ngày xét xử) là 25 tháng 12 ngày. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng lãi suất quá hạn là 8%/ năm x 24 tháng 12 ngày (từ ngày 10.7.2022 đến ngày 22.7.2024) với số tiền là: 78.981.918 VNĐ. Yêu cầu của nguyên đơn rất thiện chí hỗ trợ một phần khó khăn của công ty Ô, có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nên chấp nhận.

Do vậy buộc Công ty Ô phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V tổng số tiền chưa thanh toán và lãi chậm thanh toán là: 563.981.918 VNĐ và thanh toán làm một lần.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

*** [3] Về án phí và quyền kháng cáo:**

Công ty Ô phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty V được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 280, 357 ,Điều 533; Điều 536; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; khoản 1, khoản 2 Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị Quyết 01/2019 ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm d Mục 3 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH Ô
2. Buộc Công ty TNHH Ô phải thanh toán trả Công ty TNHH V số tiền nợ là:

+ Nợ còn thiếu chưa trả là: 485.000.000 VNĐ (Bốn trăm tám mươi lăm triệu).

+ Tiền lãi chậm thanh toán của số nợ còn thiếu chưa trả tính từ ngày 10/7/2022 đến ngày 22.7.2024 là: 78.981.918 VNĐ (bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn chín trăm mười tám).

Tổng cộng là: 563.981.918 VNĐ (năm trăm sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi một ngàn chín trăm mười tám).

3. Kể từ ngày người được thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (Công ty TNHH Ô) còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí và quyền kháng cáo.

- Công ty TNHH Ô phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 26.559.276 VNĐ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng).

- Công ty TNHH V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 11.893,000 VNĐ (mười một triệu tám trăm chín mươi ba ngàn) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001258048 ngày 21/5/2024 – đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt công ty TNHH V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt công ty TNHH Ô có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thúy Hoa

